

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
1	010001	Nguyễn Quốc	Ái	19/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	2.80	6.25	15.55	
2	010002	Dương Ngọc Bảo	An	02/01/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	6.25	5.20	6.00	17.45	
3	010003	Tô Thị Thúy	An	08/10/2009	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	1.40	6.00	12.15	
4	010004	Bình Đức	Anh	15/03/2010	Nam	Chăm	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	1	0	7.50	5.80	7.50	21.80	
5	010005	Hồ Đặng Nhật	Anh	14/06/2010	Nam	Chăm	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	8.75	7.80	9.00	26.55	
6	010006	Huỳnh Ngọc Hải	Anh	27/07/2009	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	6.20	7.25	21.70	
7	010007	Lý Trâm	Anh	24/02/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.25	5.80	8.50	22.55	
8	010008	Nguyễn Thị Phương	Anh	25/10/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	5.75	2.60	7.25	15.60	
9	010009	Nguyễn Việt	Anh	07/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	7.00	8.25	22.25	
10	010010	Trần Hồ Quỳnh	Anh	01/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	5.40	8.50	21.65	
11	010011	Vương Quốc	Anh	05/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	4.80	6.75	19.05	
12	010012	Hoàng Ngọc Kim	Ánh	09/11/2010	Nữ	Kinh	Ninh thuận	0	0	6.75	2.20	6.50	15.45	
13	010013	Nguyễn Ngọc	Ánh	15/04/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	4.00	2.80	8.00	15.80	
14	010014	Trần Thị Thùy	Âu	09/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	4.20	7.25	17.95	
15	010015	Nguyễn Thị Băng	Băng	19/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	4.40	8.50	20.90	
16	010016	Phạm Lê Hữu	Băng	17/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	3.60	7.50	17.35	
17	010017	Hồ Gia	Bảo	25/08/2010	Nam	Kinh	Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	6.50	5.80	7.75	20.05	
18	010018	Huỳnh Thiên	Bảo	28/08/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	4.00	7.50	20.00	
19	010019	Kinh Thế	Bảo	11/06/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	8.00	2.60	6.00	17.60	
20	010020	Lê Lý Chí	Bảo	15/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	4.60	6.25	16.35	
21	010021	Phạm Gia	Bảo	04/04/2010	Nam	Kinh	Thái Bình	0	0	6.75	2.60	8.50	17.85	
22	010022	Trần Nguyễn Gia	Bảo	22/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	8.00	8.00	23.75	
23	010023	Võ Trường Tiểu	Bảo	15/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	6.20	8.50	23.20	
24	010024	Khuất Nhã	Bi	27/06/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	7.00	5.40	8.50	20.90	
25	010025	Phạm Ngọc	Bích	26/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.60	7.75	17.85	
26	010026	Nguyễn Xuân	Biển	28/12/2010	Nam	Kinh	Tĩnh Gia, Thanh Hoá	0	0	5.75	3.20	6.50	15.45	
27	010027	Nguyễn Ngọc An	Bình	17/03/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	7.25	6.20	6.00	19.45	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
28	010028	Nguyễn Quốc	Bình	10/11/2010	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.50	4.80	7.75	20.05	
29	010029	Phạm Thị Kim	Bình	09/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	5.20	6.75	19.45	
30	010030	Trần Thị Khánh	Bình	01/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	2.00	6.75	13.75	
31	010031	Nguyễn Châu Nguyệt	Cát	05/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	5.40	7.00	19.90	
32	010032	Đồng Thị Bảo	Châu	24/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	6.20	7.50	21.20	
33	010033	Nguyễn Thị	Châu	16/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	5.60	7.00	20.35	
34	010034	Mai Thị Kim	Chi	20/04/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.75	5.40	8.00	21.15	
35	010035	Ngô Linh	Chi	17/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	6.80	8.25	22.05	
36	010036	Trần Thị Kim	Chi	02/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	4.80	7.50	18.55	
37	010037	Nguyễn Trung	Chí	31/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	5.80	8.50	20.80	
38	010038	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	16/10/2010	Nữ	Kinh	La Gi, Bình Thuận	0	0	6.00	4.40	6.25	16.65	
39	010039	Nguyễn Thị Diệu	Công	02/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	9.25	7.60	8.00	24.85	
40	010040	Võ Thị Kim	Cúc	09/10/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	3.00	7.75	19.00	
41	010041	Nguyễn Thanh Chí	Cường	20/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	4.00	5.25	13.75	
42	010042	Phạm Ngọc Hoàng	Cường	31/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.50	2.80	5.75	14.05	
43	010043	Võ Duy Quốc	Cường	01/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	5.40	6.50	19.65	
44	010044	Ngô Tiến	Đại	02/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	3.80	7.25	18.80	
45	010045	Bùi Nguyễn Hoa	Dân	17/07/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	6.75	6.60	8.00	21.35	
46	010046	Nguyễn Hoàng Minh	Đan	28/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	4.60	3.00	13.10	
47	010047	Trần Nguyễn Huy	Đan	01/05/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	8.00	8.25	23.50	
48	010048	Cao Hải	Đăng	24/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	4.20	8.25	19.70	
49	010049	Lê Duy	Đăng	16/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	3.60	7.50	17.85	
50	010050	Mạch Hải	Đăng	01/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	3.00	7.00	17.50	
51	010051	Nguyễn Duy	Đăng	25/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	8.00	9.00	23.25	
52	010052	Nguyễn Gia	Đăng	17/10/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	5.80	8.75	22.05	
53	010053	Nguyễn Hải	Đăng	06/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	3.20	3.50	12.70	
54	010054	Trần Hải	Đăng	28/12/2010	Nam	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	4.50	6.60	4.75	15.85	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
55	010055	Trần Nguyễn Khánh	Đăng	27/06/2010	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	0	0	8.00	9.00	9.00	26.00	
56	010056	Mai Sỹ	Đăng	07/10/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.00	3.00	7.00	17.00	
57	010057	Đặng Văn	Danh	24/07/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.75	2.80	8.25	18.80	
58	010058	Lê Tuấn	Danh	07/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	3.60	6.75	16.10	
59	010059	Nguyễn Thành	Danh	26/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	4.20	7.75	19.20	
60	010060	Đỗ Tiến	Đạt	05/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	6.00	8.25	21.00	
61	010061	Đỗ Trần Quốc	Đạt	17/10/2010	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	6.50	6.80	9.00	22.30	
62	010062	Hồ Văn	Đạt	28/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	2.20	7.75	17.20	
63	010063	Hùng Văn	Đạt	05/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	4.20	6.25	15.70	
64	010064	Huỳnh Chí	Đạt	21/08/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	7.20	8.50	23.95	
65	010065	Lâm Thành	Đạt	28/08/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	8.25	3.20	8.00	20.45	
66	010066	Lê Thành	Đạt	06/09/2010	Nam	Kinh	Phú Quý, Bình Thuận	0	0	8.50	9.40	9.00	26.90	
67	010067	Ngô Tùng	Đạt	18/12/2010	Nam	Kinh	Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh thuận	0	0	7.25	5.20	8.00	20.45	
68	010068	Phan Thanh	Đạt	21/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	6.40	5.00	17.65	
69	010069	Trần Tấn	Đạt	16/07/2010	Nam	Kinh	Cà Mau	0	0	6.00	8.60	8.50	23.10	
70	010070	Châu Thanh	Đến	25/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong,Bình Thuận	0	0	6.25	2.80	8.00	17.05	
71	010071	Mai Xuân	Dĩnh	12/06/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	3.75	2.60	1.75	9.10	
72	010072	Bùi Hà	Đô	22/08/2010	Nữ	Kinh	bệnh viện đa khoa bắc Bình thuận	0	0	2.75	3.20	3.75	9.70	
73	010073	Nguyễn Lê Anh	Doanh	27/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	1.80	6.25	14.55	
74	010074	Hà Công	Đông	05/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	5.40	8.75	20.90	
75	010075	Phạm Huỳnh Trúc	Đông	14/04/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	5.00	6.75	18.25	
76	010076	Ngô Văn	Dự	05/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	3.40	4.25	13.40	
77	010077	Huỳnh Thu	Dung	20/07/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	8.00	8.00	24.00	
78	010078	Nguyễn Quỳnh Trúc	Dung	07/02/2010	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	0	0	8.25	8.00	8.50	24.75	
79	010079	Diệp Quốc	Dũng	08/08/2010	Nam	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	7.75	7.20	8.25	23.20	
80	010080	Hoàng Võ Tiến	Dũng	03/01/2010	Nam	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	7.00	3.60	7.75	18.35	
81	010081	Vũ Tiến	Dũng	15/07/2010	Nam	Kinh	Ninh Bình	0	0	8.25	9.20	8.75	26.20	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
82	010082	Cửu Mai Thùy	Dương	01/01/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	5.00	3.40	3.50	12.90	
83	010083	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	25/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	7.20	7.00	21.95	
84	010084	Trần Khánh	Dương	15/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình thuận	0	0	8.00	9.20	8.75	25.95	
85	010085	Hồ Minh	Duy	21/12/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.75	2.00	2.50	8.25	
86	010086	Nguyễn Hoàng Quốc	Duy	30/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	5.80	7.00	20.30	
87	010087	Nguyễn Hữu	Duy	22/12/2009	Nam	Kinh	Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	7.00	4.40	7.00	18.40	
88	010088	Nguyễn Ngọc Đăng	Duy	30/07/2010	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.25	7.40	8.25	22.90	
89	010089	Nguyễn Quốc	Duy	07/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	7.00	8.50	23.25	
90	010090	Đồng Phạm Hồng	Duyên	29/05/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	8.00	3.80	6.00	18.80	
91	010091	Huỳnh Ngọc	Duyên	15/03/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0	0	6.75	4.20	6.50	17.45	
92	010092	Mai Nguyễn Kỳ	Duyên	16/06/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	8.00	7.80	8.00	23.80	
93	010093	Nguyễn Trần Khánh	Duyên	05/02/2010	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.50	6.40	7.00	20.90	
94	010094	Trần Thị Kim	Duyên	26/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	6.75	8.00	8.00	22.75	
95	010095	Võ Cao Như	Duyên	26/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	4.80	8.50	20.05	
96	010096	Đoàn Hữu Tài	Em	07/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	3.00	7.50	15.75	
97	010097	Nguyễn Phi Hoàng	Gia	10/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	5.00	7.00	18.00	
98	010098	Hồ Ngọc Song	Giang	22/02/2010	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	0	0	8.00	9.60	8.25	25.85	
99	010099	Nguyễn Thanh	Giang	15/11/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	8.60	6.25	21.35	
100	010100	Nguyễn Tiến	Giang	04/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	9.60	8.50	25.85	
101	010101	Huỳnh Thanh	Hà	03/01/2010	Nữ	Kinh	Huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa	0	0	7.50	4.60	7.25	19.35	
102	010102	Nguyễn Ngân	Hà	01/05/2010	Nữ	Kinh	Sơn Tây, Hà Nội	0	0	8.25	7.40	8.50	24.15	
103	010103	Nguyễn Thị Trúc	Hà	03/04/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.50	2.40	8.25	18.15	
104	010104	Trần Ngọc	Hà	02/09/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	6.50	3.00	4.25	13.75	
105	010105	Đặng Thanh Hoàng	Hải	30/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	7.40	9.00	24.40	
106	010106	Đỗ Quang	Hải	10/02/2010	Nam	Kinh	Đức Thọ, Hà Tĩnh	0	0	7.25	7.20	9.00	23.45	
107	010107	Lương Ân Gia	Hân	05/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	4.20	5.50	17.20	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
108	010108	Mai Lý Bảo	Hân	06/03/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.75	2.00	7.00	17.75	
109	010109	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	18/05/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	7.00	6.40	8.50	21.90	
110	010110	Nguyễn Trần Ngọc	Hân	06/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	7.25	5.80	8.25	21.30	
111	010111	Bùi Bích	Hằng	28/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	7.20	8.50	22.45	
112	010112	Phạm Võ Minh	Hằng	08/09/2010	Nữ	Kinh	An Phước, Bình Thuận	0	0	8.25	6.20	7.00	21.45	
113	010113	Nguyễn Thị	Hạnh	14/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	3.80	6.75	18.30	
114	010114	Tô Thị Mỹ	Hạnh	05/10/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	6.00	5.00	7.25	18.25	
115	010115	Nguyễn Qua	Hanim	02/09/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.50	6.00	8.50	22.00	
116	010116	Đặng Nguyễn Quốc	Hào	13/09/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	4.75	3.00	7.00	15.75	
117	010117	Hồ Anh	Hào	11/05/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	5.00	6.50	17.25	
118	010118	Lê Thanh	Hào	29/01/2010	Nam	Kinh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0	0	3.75	1.40	4.25	9.40	
119	010119	Ngô Hoàng Quốc	Hào	22/05/2010	Nam	Kinh	Diên Khánh, Khánh Hòa	0	0	7.00	6.20	6.50	19.70	
120	010120	Ngô Quốc	Hào	18/08/2010	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	8.00	4.80	8.75	21.55	
121	010121	Nguyễn Nhựt	Hào	26/04/2010	Nam	Kinh	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	5.75	3.80	5.50	15.05	
122	010122	Trương Văn	Hào	23/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	3.80	8.00	19.30	
123	010123	Đỗ Hoàng	Hào	04/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	2.20	7.00	15.20	
124	010124	Đỗ Trung	Hậu	03/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình - Bình Thuận	0	0	7.75	5.80	8.50	22.05	
125	010125	Lê Phạm Phúc	Hậu	20/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	2.20	6.00	15.70	
126	010126	Lê Trung	Hậu	15/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	4.20	7.75	18.95	
127	010127	Thanh Minh	Hay	16/12/2010	Nam	Chăm	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	6.75	3.00	8.50	19.25	
128	010128	Phạm Ngọc Sinh	Hiên	01/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	2.20	5.75	12.95	
129	010129	Huỳnh Thị Hồng	Hiên	25/05/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.75	2.00	7.25	17.00	
130	010130	Lê Đức	Hiên	02/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	4.40	8.00	18.65	
131	010131	Nguyễn Xuân	Hiên	01/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	5.00	8.50	19.50	
132	010132	Lê Thành	Hiệp	02/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.25	5.60	7.25	18.10	
133	010133	Đặng Minh	Hiếu	26/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	7.80	7.00	22.55	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
134	010134	Đồng Trung	Hiếu	24/10/2010	Nam	Chăm	Thành phố Hồ Chí Minh	1	0	5.25	4.60	6.75	17.60	
135	010135	Huỳnh Tấn	Hiếu	03/05/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	6.40	8.25	21.90	
136	010136	Kiều Trung	Hiếu	10/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	3.60	6.25	14.85	
137	010137	Nguyễn Minh	Hiếu	06/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	2.60	5.25	13.10	
138	010138	Trần Minh	Hiếu	28/10/2010	Nam	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	4.25	3.80	6.00	14.05	
139	010139	Võ Trần Xuân	Hiếu	02/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	4.60	6.75	16.10	
140	010140	Trần Di	Hòa	15/01/2010	Nam	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	3.75	0.60	7.00	11.35	
141	010141	Trần Ngọc	Hòa	15/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	4.80	5.00	16.55	
142	010142	Trần Quang	Hoan	17/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	1.40	3.50	9.90	
143	010143	Huỳnh Tấn	Hoang	19/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	4.40	7.50	18.90	
144	010144	Đặng Thị Kim	Hoàng	13/06/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.75	6.60	7.00	22.35	
145	010145	Hồ Liên Phụng	Hoàng	10/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	8.60	7.00	24.10	
146	010146	Lê Duy	Hoàng	13/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	7.80	6.75	22.55	
147	010147	Lê Huy	Hoàng	03/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	7.40	8.75	24.65	
148	010148	Lê Huy	Hoàng	29/06/2010	Nam	Kinh	Nghệ An	0	0	7.00	8.80	8.50	24.30	
149	010149	Nguyễn Huy	Hoàng	27/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	3.00	4.25	13.50	
150	010150	Nguyễn Khải	Hoàng	03/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.75	4.80	8.25	21.80	
151	010151	Nguyễn Văn	Hoàng	14/06/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	3.75	2.40	4.25	10.40	
152	010152	Lê Thị Kim	Hồng	25/02/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	8.00	6.60	8.50	23.10	
153	010153	Nguyễn Thị Kim	Huệ	09/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	3.80	7.00	17.05	
154	010154	Nguyễn Thị Kim	Huệ	19/12/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	6.25	3.00	5.50	14.75	
155	010155	Đặng Quốc	Hưng	14/04/2010	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	5.25	5.00	1.75	12.00	
156	010156	Lê Bá Thiên	Hưng	24/06/2010	Nam	Kinh	Krông Pắc, Đắk Lắk	0	0	6.25	8.20	9.00	23.45	
157	010157	Lý Hoàng	Hưng	06/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	5.40	7.25	19.15	
158	010158	Lý Nguyễn Tấn	Hưng	11/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	6.00	8.50	20.75	
159	010159	Nguyễn Thế	Hưng	27/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	5.80	7.25	19.80	
160	010160	Nguyễn Thế Thiên	Hưng	24/12/2010	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.00	7.00	8.25	22.25	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
161	010161	Nguyễn Xuân Quốc	Hưng	14/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	5.40	6.25	17.65	
162	010162	Võ Gia	Hưng	01/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	8.20	8.25	24.20	
163	010163	Hồ Quỳnh	Hương	07/07/2010	Nữ	Ra-glai	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	1	0	5.00	1.80	5.75	13.55	
164	010164	Phạm Xuân	Hương	20/04/2010	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	0	0	8.00	5.80	7.50	21.30	
165	010165	Trần Nguyễn Xuân	Hương	03/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	2.80	2.50	10.05	
166	010166	Trương Thị Ngọc	Hương	24/05/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	8.50	8.20	8.75	25.45	
167	010167	Bích Hoàng	Huy	08/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	5.60	7.25	19.60	
168	010168	Châu Quốc	Huy	27/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.00	4.60	5.00	13.60	
169	010169	Đoàn Cao Hoàng	Huy	04/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	6.40	8.25	22.40	
170	010170	Hồ Gia	Huy	24/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	4.20	8.00	18.45	
171	010171	Hồ Trần Quốc	Huy	21/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	5.20	6.25	18.20	
172	010172	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Huy	18/03/2010	Nam	Kinh	huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	4.25	3.20	6.50	13.95	
173	010173	Huỳnh Tấn	Huy	29/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	7.40	7.75	23.40	
174	010174	Lê Gia	Huy	04/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.50	4.00	5.50	13.00	
175	010175	Lê Minh	Huy	26/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	5.20	7.50	18.95	
176	010176	Nguyễn Hữu Gia	Huy	01/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	3.20	5.75	13.95	
177	010177	Phạm Anh	Huy	29/04/2010	Nam	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	4.00	4.60	3.50	12.10	
178	010178	Huỳnh Thị Thu	Huyền	09/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	3.40	5.25	14.90	
179	010179	Mai Thị Thanh	Huyền	15/03/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	8.25	5.60	6.25	20.10	
180	010180	Trần Lương Ngọc	Huyền	26/11/2010	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	0	0	7.25	3.20	5.75	16.20	
181	010181	Hoàng Võ Thanh	Huỳnh	28/06/2010	Nữ	Ra-glai	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	1.50	1.80	1.25	5.55	
182	010182	Thanh Xuân	Hy	10/06/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	V	V	V	V	
183	010183	Lê Văn	Khải	10/02/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	4.00	7.00	17.75	
184	010184	Phạm Huỳnh Văn	Khải	02/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	4.60	7.25	18.60	
185	010185	Bùi Thanh	Khang	01/01/2010	Nam	Kinh	An Phước, Bình Thuận	0	0	5.75	3.00	3.50	12.25	
186	010186	Đặng Huỳnh Thái	Khang	19/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	8.80	6.75	21.30	
187	010187	Đào Nguyễn Trọng	Khang	03/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.25	4.20	4.25	13.70	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
188	010188	Hoàng Bảo	Khang	20/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	3.60	6.75	16.35	
189	010189	Hoàng Tuấn	Khang	18/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	7.60	7.00	21.85	
190	010190	Huỳnh Chánh	Khang	27/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	1.80	4.25	12.80	
191	010191	Huỳnh Quốc	Khang	26/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.50	2.80	7.00	15.30	
192	010192	Lâm Trường	Khang	09/04/2010	Nam	Hán	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	7.60	8.75	24.60	
193	010193	Lê Nguyễn Bảo	Khang	25/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	2.40	6.00	12.90	
194	010194	Lê Nguyễn Gia	Khang	25/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	8.00	8.50	23.75	
195	010195	Lữ Chánh	Khang	24/05/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	5.25	3.80	4.75	14.80	
196	010196	Ngô Dĩ	Khang	18/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	6.20	8.25	20.95	
197	010197	Nguyễn Duy	Khang	19/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	7.00	8.50	22.50	
198	010198	Nguyễn Phúc	Khang	09/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	6.20	8.25	21.95	
199	010199	Nguyễn Trọng	Khang	01/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	2.40	6.75	14.90	
200	010200	Nguyễn Trung Bảo	Khang	20/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	7.80	8.50	23.80	
201	010201	Phạm Hoài Bảo	Khang	16/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	6.40	6.50	19.15	
202	010202	Trần Hữu Tường	Khang	12/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	8.40	9.00	25.15	
203	010203	Trần Minh	Khang	15/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	5.80	9.00	21.80	
204	010204	Trần Trọng	Khang	19/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	7.20	9.00	22.95	
205	010205	Trịnh Dĩ	Khang	11/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	9.00	22.05	
206	010206	Trương Võ Hoàng	Khang	22/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	9.40	8.75	25.90	
207	010207	Võ Hà Xuân	Khang	06/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	7.00	9.00	23.00	
208	010208	Võ Khánh Nguyên	Khang	07/05/2010	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	8.00	9.80	8.50	26.30	
209	010209	Võ Quốc	Khang	16/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	7.00	8.75	23.75	
210	010210	Bùi Quốc	Khánh	21/07/2010	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	7.50	3.60	8.25	19.35	
211	010211	Huỳnh Quốc	Khánh	01/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.50	3.60	3.25	11.35	
212	010212	Nguyễn Đỗ Gia	Khánh	21/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	4.20	6.75	17.20	
213	010213	Nguyễn Hữu	Khánh	06/10/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	1	6.00	2.80	8.25	18.05	
214	010214	Nguyễn Văn	Khánh	18/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	4.20	7.25	17.95	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
215	010215	Trương Ngân	Khánh	18/04/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	1	0	6.50	2.40	7.00	16.90	
216	010216	Đoàn Lê Đăng	Khoa	07/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phước, Bình Định	0	0	7.75	8.00	8.50	24.25	
217	010217	Huỳnh Anh	Khoa	07/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	4.00	7.00	16.75	
218	010218	Mai Thủ	Khoa	08/04/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.75	2.20	5.75	15.70	
219	010219	Nguyễn Lê Anh	Khoa	09/05/2010	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.75	9.00	8.25	25.00	
220	010220	Trần Anh	Khoa	27/10/2009	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	6.25	5.20	8.50	19.95	
221	010221	Trương Đăng	Khoa	07/12/2010	Nam	Kinh	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	5.50	2.60	5.75	13.85	
222	010222	Võ Tấn	Khoa	11/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	6.40	7.75	21.90	
223	010223	Đỗ Huỳnh Mai	Khôi	08/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.08	5.20	8.50	20.78	
224	010224	Nguyễn Anh	Khôi	15/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	6.80	9.00	23.55	
225	010225	Nguyễn Thùy	Khôi	28/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	6.20	7.25	17.95	
226	010226	Nguyễn Vũ Đăng	Khôi	22/01/2010	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	5.75	4.60	8.00	18.35	
227	010227	Phạm Minh	Khôi	23/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	3.00	6.00	14.75	
228	010228	Trần Nguyễn Minh	Khôi	09/05/2010	Nam	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	5.75	2.80	7.25	15.80	
229	010229	Phạm Minh	Khuê	31/10/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	4.75	3.00	7.25	16.00	
230	010230	Bùi Minh Anh	Kiên	23/05/2009	Nam	Kinh	huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	4.00	2.20	2.00	8.20	
231	010231	Nguyễn Trần	Kiên	05/08/2010	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	3.75	1.80	3.75	9.30	
232	010232	Trần Xuân	Kiên	15/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	6.80	8.50	23.30	
233	010233	Đặng Bình Bảo	Kiệt	24/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	4.40	8.00	19.65	
234	010234	Nguyễn Quốc	Kiệt	28/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.25	4.80	8.00	17.05	
235	010235	Phạm Thanh	Kiệt	11/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	4.40	7.50	17.65	
236	010236	Võ Minh	Kiệt	07/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.25	2.60	2.25	8.10	
237	010237	Cao Thị Thúy	Kiều	26/06/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	8.50	7.20	9.00	24.70	
238	010238	Dương Thị Ngọc	Kiều	30/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	4.20	7.50	17.45	
239	010239	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	23/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	4.60	7.75	20.35	
240	010240	Phùng Ngọc	Kiều	04/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	4.40	7.00	18.65	
241	010241	Nguyễn Thanh	Kim	29/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	7.40	8.00	22.90	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
242	010242	Bình Thanh	Kỳ	17/05/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	1.25	5.40	5.25	12.90	
243	010243	Trương Du	Kỳ	25/12/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	1.00	7.40	5.00	14.40	
244	010244	Đỗ Hoàng	Lai	24/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	2.80	4.25	12.05	
245	010245	Lê Võ Tường	Lam	27/11/2010	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	0	0	6.00	4.00	6.75	16.75	
246	010246	Lương Thanh	Lam	30/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	8.60	8.50	24.85	
247	010247	Phạm Thị	Lam	24/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	4.60	8.50	20.85	
248	010248	Nguyễn Thùy	Lâm	04/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	8.00	8.25	23.75	
249	010249	Qua	HaLâm	05/08/2010	Nam	Chăm	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	8.25	9.00	8.75	27.00	
250	010250	Nguyễn Phi	Lanh	12/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	4.40	7.75	18.65	
251	010251	Dương Phương	Lê	15/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	9.60	7.75	25.35	
252	010252	Nguyễn Quang	Lê	20/01/2010	Nam	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	7.50	7.40	9.00	23.90	
253	010253	Đinh Thị Hồng	Lê	30/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	7.80	8.25	22.55	
254	010254	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	29/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.50	7.60	8.75	24.85	
255	010255	Nguyễn Thị Thanh	Linh	10/03/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	7.50	6.20	7.50	21.20	
256	010256	Hà Ngân	Linh	08/01/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	8.50	6.80	8.00	23.30	
257	010257	Huỳnh Trần Khánh	Linh	17/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	5.00	4.50	17.25	
258	010258	Nguyễn Cao Thùy	Linh	15/11/2010	Nữ	Kinh	Krong Ana, Đắc LăK	0	0	4.25	2.20	8.00	14.45	
259	010259	Nguyễn Hồng Mai	Linh	31/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	7.40	8.25	23.65	
260	010260	Nguyễn Thị Kim	Linh	12/10/2010	Nữ	Kinh	huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	7.25	9.20	9.00	25.45	
261	010261	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	05/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	6.00	5.25	17.50	
262	010262	Phạm Trần Ngọc	Linh	23/06/2010	Nữ	Kinh	Huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	0	0	8.50	7.80	8.50	24.80	
263	010263	Trượng Mai	Linh	16/06/2010	Nam	Chăm	Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận	1	0	5.00	6.80	4.75	17.55	
264	010264	Võ Thị Hồng	Linh	18/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	4.00	3.00	12.25	
265	010265	Võ Thị Thùy	Linh	21/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	4.80	7.50	19.80	
266	010266	Ngô Hoàng	Linh	24/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	9.80	9.00	25.55	
267	010267	Nguyễn Trường	Linh	08/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.00	2.00	5.75	11.75	
268	010268	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Loan	31/03/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	2.20	4.25	12.95	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
269	010269	Nguyễn Thị Kim	Loan	20/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	5.80	7.25	19.80	
270	010270	Nguyễn Phúc	Lộc	28/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	2.60	4.75	11.85	
271	010271	Dương Hoàng	Long	23/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	2.80	7.00	15.05	
272	010272	Huỳnh Huy	Long	04/10/2010	Nam	Kinh	Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	0	0	7.00	2.00	7.50	16.50	
273	010273	Lư Bích Thái	Long	22/07/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.00	9.00	8.50	25.50	
274	010274	Nguyễn Hoàng	Long	29/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	4.20	8.00	19.45	
275	010275	Võ Thành	Long	06/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	2.60	7.00	16.10	
276	010276	Huỳnh Văn	Luân	26/03/2010	Nam	Kinh	Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	0	0	7.25	2.20	6.00	15.45	
277	010277	Lê Ánh	Luân	15/12/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	2.25	2.60	4.25	9.10	
278	010278	Lê Minh	Luân	11/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	8.00	9.00	25.00	
279	010279	Nguyễn Lê Duy	Lực	22/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	6.60	8.75	21.85	
280	010280	Huỳnh Thị Mai	Ly	04/02/2010	Nữ	Kinh	Ninh Hòa, Khánh Hòa	0	0	6.00	3.20	6.75	15.95	
281	010281	Qua Thị Cẩm	Ly	24/11/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	5.25	3.60	7.00	16.85	
282	010282	Trần Công	Lý	21/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	4.20	7.00	16.95	
283	010283	Cao Thị Tuyết	Mai	29/06/2010	Nữ	Kinh	huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	6.75	4.60	5.00	16.35	
284	010284	Đàng Thị Xuân	Mai	18/02/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	8.50	5.40	8.00	22.90	
285	010285	Mai Đắc Phương	Mai	24/03/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	8.50	8.60	8.50	26.60	
286	010286	Nguyễn Thị Xuân	Mai	22/11/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	7.00	4.20	5.75	16.95	
287	010287	Phạm Thị Xuân	Mai	31/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	3.60	7.25	17.85	
288	010288	Trần Thị Ngọc	Mai	23/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	5.00	7.00	19.75	
289	010289	Nguyễn Trương Ngọc	Mẫn	16/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	3.60	5.25	16.35	
290	010290	Lê Ngọc Gia	Mẫn	15/01/2010	Nữ	Kinh	Càng Long, Trà Vinh	0	0	7.75	6.80	9.00	23.55	
291	010291	Bùi Công	Minh	01/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	5.60	6.00	18.35	
292	010292	Châu Nhựt	Minh	03/01/2010	Nam	Chăm	Huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	1	0	5.75	3.20	6.75	16.70	
293	010293	Đàng Ánh Bình	Minh	04/10/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	8.00	5.00	7.00	21.00	
294	010294	Đàng Tuấn	Minh	20/09/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	5.25	3.20	6.75	16.20	
295	010295	Nguyễn Quang	Minh	09/10/2010	Nam	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	8.25	8.80	8.75	25.80	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
296	010296	Phạm Quang	Minh	17/04/2010	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	8.00	8.20	9.00	25.20	
297	010297	Đặng Trà	My	12/07/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	3.80	2.00	10.80	
298	010298	Huỳnh Việt	My	29/09/2010	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.33	8.00	8.25	23.58	
299	010299	Lê Thị Ánh	My	12/04/2010	Nữ	Kinh	Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận	1	0	3.75	3.20	6.00	13.95	
300	010300	Mai Huỳnh Ngọc	My	17/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.20	7.50	17.20	
301	010301	Nguyễn Ái	My	19/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	6.40	6.25	19.15	
302	010302	Phạm Nguyễn Hà	My	13/12/2010	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.00	8.00	8.50	23.50	
303	010303	Phạm Nhã Uyên	My	08/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết , Bình Thuận	0	0	7.75	8.40	8.50	24.65	
304	010304	Trần Huỳnh Nhã	My	08/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	6.20	6.00	18.70	
305	010305	Trần Mạch Sơn	My	27/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.50	5.60	8.00	19.10	
306	010306	Võ Hạ	My	20/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	7.80	8.50	24.55	
307	010307	Võ Lý Trà	My	05/08/2010	Nữ	Kinh	An Phước, Bình Thuận	0	0	8.00	6.40	7.25	21.65	
308	010308	Nguyễn Thị Như	Mỹ	16/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.75	5.60	8.00	18.35	
309	010309	Nguyễn Thiện	Mỹ	09/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	7.25	6.20	8.25	21.70	
310	010310	Nguyễn Hoàng Bảo	Nam	05/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	5.20	7.00	17.70	
311	010311	Nguyễn Văn	Nam	07/06/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.75	3.60	5.00	16.35	
312	010312	Võ Nhật Thái	Nam	31/10/2010	Nam	Kinh	Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.	0	0	7.75	7.40	8.00	23.15	
313	010313	Lượng Thị Hồng	Nga	27/01/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	4.75	3.40	6.25	15.40	
314	010314	Lưu Thị Thúy	Nga	21/05/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	1.25	6.40	5.50	14.15	
315	010315	Huỳnh Thị	Ngà	16/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	7.00	8.25	23.25	
316	010316	Mang Thị Khánh	Ngân	23/11/2010	Nữ	Ra-glai	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	5.75	3.40	7.00	17.15	
317	010317	Ngô Bích	Ngân	27/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	3.80	7.25	18.30	
318	010318	Nguyễn Bích	Ngân	25/07/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	8.80	8.00	24.55	
319	010319	Nguyễn Kim	Ngân	13/06/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	9.00	8.00	8.25	25.25	
320	010320	Nguyễn Phạm Thu	Ngân	10/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	5.40	3.50	15.90	
321	010321	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	7.20	8.50	23.45	
322	010322	Nguyễn Trần Trúc	Ngân	22/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	6.80	8.25	23.05	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
323	010323	Bùi Xuân	Nghĩa	20/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	6.60	7.50	20.60	
324	010324	Dương Minh	Nghĩa	05/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	4.00	6.00	16.00	
325	010325	Nguyễn Lâm	Nghĩa	21/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	9.00	9.00	9.00	27.00	
326	010326	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	30/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình - Bình Thuận	0	0	5.50	3.60	5.50	14.60	
327	010327	Nguyễn Thị Hiếu	Nghĩa	14/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	4.60	5.00	17.10	
328	010328	Trần Đình	Nghĩa	22/07/2010	Nam	Kinh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0	0	5.00	1.20	7.00	13.20	
329	010329	Diệp Nguyễn Ánh	Ngọc	29/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.75	6.80	8.50	24.05	
330	010330	Đỗ Khánh	Ngọc	23/12/2010	Nữ	Kinh	Đống Đa, Hà Nội	0	0	7.25	7.80	7.75	22.80	
331	010331	Hồ Ngô Bảo	Ngọc	21/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	4.80	7.75	19.30	
332	010332	Huỳnh Nữ Lâm	Ngọc	23/01/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.25	6.00	8.00	21.25	
333	010333	Lê Văn	Ngọc	03/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	4.40	7.25	18.65	
334	010334	Lương Thị Bích	Ngọc	20/09/2010	Nữ	Kinh	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	7.25	5.00	6.75	19.00	
335	010335	Nguyễn Khánh	Ngọc	11/05/2010	Nữ	Kinh	Quảng Bình	0	0	8.00	8.60	8.25	24.85	
336	010336	Nguyễn Kim	Ngọc	05/02/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	9.00	8.80	8.50	26.30	
337	010337	Nguyễn Thanh Mỹ	Ngọc	28/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	9.40	9.00	26.40	
338	010338	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	24/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	3.60	8.25	19.85	
339	010339	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	28/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	5.00	8.50	20.50	
340	010340	Trần Bích	Ngọc	31/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	7.75	20.80	
341	010341	Trần Thanh	Ngọc	22/12/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	6.20	8.25	21.95	
342	010342	Bùi Nguyễn Trúc	Nguyên	20/12/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện Bắc Bình.	0	0	7.50	6.80	9.00	23.30	
343	010343	Đỗ Ngọc Bảo	Nguyên	06/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	7.00	8.50	23.00	
344	010344	Đồng Ngọc Thanh	Nguyên	23/01/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.75	4.80	8.00	21.55	
345	010345	Dương Đặng Thảo	Nguyên	12/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	5.00	6.00	17.25	
346	010346	Huỳnh Ngọc Kỳ	Nguyên	30/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	4.20	8.50	20.70	
347	010347	Lê Hoài	Nguyên	08/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	3.00	5.25	13.25	
348	010348	Lê Hoàng Khôi	Nguyên	06/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	3.20	6.75	15.70	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
349	010349	Lê Viết Hoàng	Nguyên	30/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	6.20	8.00	20.95	
350	010350	Ngô Nhựt Trúc	Nguyên	19/02/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	7.60	8.75	23.10	
351	010351	Nguyễn Cát Thảo	Nguyên	08/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	6.80	9.00	23.05	
352	010352	Nguyễn Hoàng Khánh	Nguyên	27/10/2010	Nam	Kinh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0	0	3.75	3.20	5.25	12.20	
353	010353	Nguyễn Hoàng Nhật	Nguyên	09/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	6.00	8.50	21.50	
354	010354	Nguyễn Hữu	Nguyên	15/05/2010	Nam	Kinh	huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	8.00	6.00	8.25	22.25	
355	010355	Nguyễn Khôi	Nguyên	06/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	7.40	9.00	23.90	
356	010356	Nguyễn Ngọc Phúc	Nguyên	25/02/2010	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.25	9.00	8.75	25.00	
357	010357	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	28/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	4.40	8.50	20.90	
358	010358	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	29/01/2010	Nữ	Chăm	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	6.50	3.80	8.50	19.80	
359	010359	Nguyễn Thị Thu	Nguyên	08/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	7.60	8.25	23.85	
360	010360	Trần Khánh Gia	Nguyên	22/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.80	8.00	18.30	
361	010361	Trương Lâm Phúc	Nguyên	01/11/2009	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	5.50	5.40	6.75	17.65	
362	010362	Võ Huỳnh Bảo	Nguyên	14/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	4.80	7.00	17.30	
363	010363	Nguyễn Thị Ngọc	Nguyễn	23/06/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.50	5.20	8.50	22.20	
364	010364	Hồ Trần Hồng	Nguyệt	07/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.75	9.20	9.50	27.45	
365	010365	Lê Thị Thu	Nguyệt	01/08/2010	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	0	0	6.50	4.40	6.25	17.15	
366	010366	Đỗ Ngọc Trúc	Nhã	31/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	4.80	7.50	18.80	
367	010367	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	21/10/2010	Nữ	Kinh	Đà Lạt, Lâm Đồng	0	0	3.00	4.40	7.00	14.40	
368	010368	Nguyễn Võ Thanh	Nhân	14/11/2010	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	0	0	4.50	2.80	3.25	10.55	
369	010369	Bích Văn	Nhân	11/01/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.00	3.20	7.25	17.45	
370	010370	Dương Tấn Trọng	Nhân	18/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.50	2.80	6.50	14.80	
371	010371	Huỳnh Phi	Nhân	30/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	5.00	6.75	18.50	
372	010372	Lê Bá Thành	Nhân	21/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	4.80	5.75	17.30	
373	010373	Nguyễn Hoàng	Nhân	15/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.75	8.40	8.75	25.90	
374	010374	Nguyễn Thiện	Nhân	08/04/2010	Nam	Kinh	Krong Ana, Đắk Lắk	0	0	3.75	5.20	8.00	16.95	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
375	010375	Thạch Thị Mỹ	Nhân	29/01/2010	Nữ	Khome	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	8.25	5.80	6.25	21.30	
376	010376	Trần Thị Thiện	Nhân	15/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	5.00	7.25	20.50	
377	010377	Trần Xuân Minh	Nhật	07/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	5.80	8.25	21.80	
378	010378	Bích Khánh An	Nhi	20/11/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	8.00	7.00	8.50	24.50	
379	010379	Bùi Thị Tuyết	Nhi	07/04/2010	Nữ	Mường	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.50	7.00	8.00	23.50	
380	010380	Dương Hà Việt	Nhi	31/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	6.00	8.00	21.25	
381	010381	Lê Kiều Ngọc	Nhi	03/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	8.75	8.40	8.00	25.15	
382	010382	Lê Thị Tuyết	Nhi	18/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	3.20	8.00	18.45	
383	010383	Lê Thị Ý	Nhi	08/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	2.60	6.25	15.35	
384	010384	Lê Yến	Nhi	09/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	9.00	9.00	26.00	
385	010385	Ngô Uyên	Nhi	17/02/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	9.00	7.60	7.75	24.35	
386	010386	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhi	01/12/2010	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.75	9.20	8.75	25.70	
387	010387	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	04/07/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	4.60	5.75	16.35	
388	010388	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	29/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	6.40	6.25	19.90	
389	010389	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	13/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	6.40	8.00	21.90	
390	010390	Nguyễn Thái Xuân	Nhi	10/07/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.25	5.00	8.25	18.50	
391	010391	Nguyễn Thị Yến	Nhi	10/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	6.40	8.25	22.65	
392	010392	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	12/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	3.60	6.75	16.35	
393	010393	Phạm Thái Ý	Nhi	25/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	8.40	8.50	24.40	
394	010394	Phạm Tuyết	Nhi	07/05/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0	0	7.00	3.60	7.25	17.85	
395	010395	Trần Lê Yến	Nhi	30/07/2010	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	0	0	8.25	5.80	7.25	21.30	
396	010396	Trần Mai Yến	Nhi	16/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	9.80	8.75	26.80	
397	010397	Trần Phương Bảo	Nhi	21/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	9.80	9.00	27.30	
398	010398	Trần Thị Thảo	Nhi	17/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	6.00	6.00	19.00	
399	010399	Trương Đông	Nhi	15/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	7.20	8.00	22.45	
400	010400	Võ Hồ Yến	Nhi	29/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	8.60	9.00	25.85	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
401	010401	Hồ Thị Kim	Nhiên	27/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	5.80	6.75	18.55	
402	010402	Phan Thị Thanh	Nhiên	28/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.40	5.75	15.65	
403	010403	Cao Hạo	Như	11/01/2010	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.00	6.40	8.25	21.65	
404	010404	Hồ Xuân	Như	12/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	7.20	8.50	23.45	
405	010405	Lâm Huỳnh Tô	Như	20/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	3.80	6.25	17.05	
406	010406	Lê Vũ Khánh	Như	24/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	5.60	6.50	18.10	
407	010407	Ngô Hoàng Quỳnh	Như	04/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	8.40	8.00	24.40	
408	010408	Nguyễn Bảo	Như	13/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	3.80	7.00	16.30	
409	010409	Nguyễn Thanh	Như	23/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	8.50	7.60	8.50	24.60	
410	010410	Nguyễn Thị Ngọc	Như	09/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	7.20	8.00	22.70	
411	010411	Nguyễn Thị Uyên	Như	12/02/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	5.60	7.75	21.10	
412	010412	Trần Mai Quỳnh	Như	23/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	5.80	7.00	18.05	
413	010413	Trần Võ Quỳnh	Như	25/06/2010	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	0	0	6.50	6.40	6.00	18.90	
414	010414	Trương Kim Mỹ	Như	25/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	5.60	7.50	20.85	
415	010415	Trương Thị Bảo	Như	14/11/2010	Nữ	Kinh	Thành Phố Huế	0	0	8.25	7.80	7.00	23.05	
416	010416	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	8.80	8.25	24.55	
417	010417	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	28/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	6.00	7.00	18.25	
418	010418	Lê Thúy	Ni	07/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	8.80	7.00	23.30	
419	010419	Nguyễn Vũ Đức	Nông	17/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	3.60	5.25	14.85	
420	010420	Diệp Lê Kiều	Oanh	02/04/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện tỉnh Bình Thuận	0	0	7.50	6.80	6.50	20.80	
421	010421	Lê Lưu Kiều	Oanh	28/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	7.40	8.25	23.65	
422	010422	Lê Trần Kiều	Oanh	24/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	7.00	6.25	19.25	
423	010423	Ngô Lê Vy	Oanh	11/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	6.00	7.75	20.00	
424	010424	Ngô Thị Thúy	Oanh	27/03/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện huyện Bắc Bình, tỉnh Bình thuận	0	0	5.75	3.80	6.25	15.80	
425	010425	Võ Thị Kiều	Oanh	22/05/2010	Nữ	Kinh	Cát Tiên, Lâm Đồng	0	0	6.25	5.80	8.50	20.55	
426	010426	Phan Nguyễn Châu	Pha	17/10/2010	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	0	0	7.25	7.80	8.50	23.55	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
427	010427	Phạm Thị Hồng	Phấn	29/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	8.00	8.50	24.00	
428	010428	Đình Công	Phát	09/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	5.00	7.25	18.50	
429	010429	Đình Tấn	Phát	24/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	9.00	8.75	25.25	
430	010430	Mạch Võ Tấn	Phát	10/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	6.40	4.75	17.65	
431	010431	Phạm Hưng	Phát	17/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	5.20	6.25	18.95	
432	010432	Đặng Kiếm	Phi	30/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	4.60	8.50	20.60	
433	010433	Bích Văn	Phong	07/07/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	4.50	4.20	4.25	13.95	
434	010434	Đặng Khánh	Phong	02/05/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	8.20	9.00	24.20	
435	010435	Lâm Thanh	Phong	18/12/2010	Nam	Kinh	Huyện Phú Tân, Tỉnh Cà Mau	0	0	5.50	3.60	8.00	17.10	
436	010436	Nguyễn Tấn	Phong	08/08/2010	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	6.25	7.60	8.75	22.60	
437	010437	Nguyễn Thế Đình	Phong	25/10/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.00	3.00	3.75	11.75	
438	010438	Nguyễn Trọng Thanh	Phong	14/12/2010	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.25	8.20	8.25	23.70	
439	010439	Trần Duy	Phong	18/09/2010	Nam	Kinh	Phú Quý, Bình Thuận	0	0	7.75	6.00	8.25	22.00	
440	010440	Hồ Vũ Tấn	Phú	20/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	7.60	9.00	24.60	
441	010441	Nguyễn Hoàng	Phú	22/11/2010	Nam	Kinh	Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	7.00	8.80	8.75	24.55	
442	010442	Nguyễn Minh	Phú	10/07/2010	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	6.25	2.60	5.00	13.85	
443	010443	Nguyễn Thanh	Phú	22/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	4.60	5.75	16.85	
444	010444	Nguyễn Thiên	Phú	19/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	5.20	8.50	18.70	
445	010445	Nguyễn Trọng	Phú	15/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	5.40	7.25	20.15	
446	010446	Trần	Phú	20/11/2010	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	5.50	5.40	7.75	18.65	
447	010447	Trần Đại Triệu	Phú	10/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	5.60	7.00	19.60	
448	010448	Đỗ Nguyễn Hoàng	Phúc	10/04/2010	Nam	Kinh	Ninh Phước, Ninh Thuận	0	0	6.00	2.60	8.00	16.60	
449	010449	Nguyễn Đặng Hoàng	Phúc	29/05/2008	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	6.25	7.20	2.25	15.70	
450	010450	Nguyễn Hoàng	Phúc	10/01/2010	Nam	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	6.75	5.20	8.50	20.45	
451	010451	Nguyễn Hoàng Gia	Phúc	05/12/2010	Nam	Kinh	Tân Phú, Đồng Nai	0	0	5.75	2.40	5.75	13.90	
452	010452	Nguyễn Ngọc Gia	Phúc	03/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	5.60	8.00	19.35	
453	010453	Nguyễn Thành	Phúc	20/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	4.60	7.00	19.60	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
454	010454	Nguyễn Thị Mỹ	Phúc	18/07/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	4.75	3.60	5.00	13.35	
455	010455	Lê Vi Hoàng	Phụng	02/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	5.80	7.25	20.05	
456	010456	Mai Nguyễn Như	Phụng	04/11/2010	Nữ	chăm	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	1	0	9.00	6.80	7.00	23.80	
457	010457	Đàng Nữ Trúc	Phương	30/10/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.00	4.20	8.00	20.20	
458	010458	Đỗ Trúc	Phương	17/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	3.00	7.50	17.50	
459	010459	Dương Thị Trúc	Phương	29/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	5.60	6.00	18.60	
460	010460	Lê Ngọc Trúc	Phương	22/08/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	3.40	6.75	17.40	
461	010461	Nguyễn Bình Xuyên	Phương	22/08/2010	Nữ	Kinh	huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	1	0	7.75	9.60	8.25	26.60	
462	010462	Nguyễn Thảo	Phương	22/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	7.80	8.75	25.05	
463	010463	Nguyễn Anh	Quân	11/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	6.00	7.25	20.25	
464	010464	Phạm Ngọc Minh	Quân	14/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	7.80	9.00	24.30	
465	010465	Trình Hoàng	Quân	18/03/2010	Nữ	Ra-glai	Tuy Phong - Bình Thuận	1	0	6.50	2.80	5.00	15.30	
466	010466	Đặng Thiện	Quang	01/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	4.60	8.75	20.35	
467	010467	Mai Minh	Quang	12/10/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.00	3.00	9.00	19.00	
468	010468	Nguyễn Hoàng Thiên	Quốc	24/12/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	4.60	7.50	18.85	
469	010469	Nguyễn Tấn	Quốc	04/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	1.60	3.50	11.60	
470	010470	Nguyễn Tiến	Quốc	28/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	3.80	8.50	19.05	
471	010471	Phan Ngọc	Quốc	18/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	7.20	9.00	23.45	
472	010472	Lê Hoàng Ngọc	Quý	13/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	2.60	7.75	16.85	
473	010473	Trần Quang	Quý	27/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	9.20	9.00	26.20	
474	010474	Võ Nguyễn Phú	Quý	03/03/2010	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	8.25	7.60	9.00	24.85	
475	010475	Lê Bảo	Quyên	25/07/2009	Nữ	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	9.25	5.00	8.25	22.50	
476	010476	Ngô Bảo	Quyên	05/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	4.80	8.00	18.80	
477	010477	Nguyễn Trần Tú	Quyên	27/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	8.20	6.75	23.20	
478	010478	Phan Kim	Quyên	14/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	4.40	7.25	19.15	
479	010479	Phan Thị Thanh	Quyên	29/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	6.80	8.00	22.30	
480	010480	Trần Nguyễn Tố	Quyên	30/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	3.00	8.00	17.25	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
481	010481	Trần Phạm Minh	Quyên	22/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	3.20	7.00	17.45	
482	010482	Võ Tú	Quyên	03/12/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	7.50	6.80	6.50	20.80	
483	010483	Lê Ngọc	Quyên	14/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.00	3.40	6.25	13.65	
484	010484	Mai Duy	Quyên	05/03/2010	Nam	Chăm	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	3.25	5.40	5.00	14.65	
485	010485	Nguyễn Khánh	Quyên	22/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	4.60	8.25	19.85	
486	010486	Nguyễn Thị Như	Quyên	02/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	3.75	1.80	4.75	10.30	
487	010487	Nguyễn Gia	Quyết	04/09/2010	Nam	Kinh	Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	7.00	2.80	8.25	18.05	
488	010488	Diệp Như	Quỳnh	21/06/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	7.25	5.60	6.00	18.85	
489	010489	Huỳnh Nguyễn Kim	Quỳnh	06/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	6.40	8.50	21.90	
490	010490	Lê Như	Quỳnh	18/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	8.00	21.05	
491	010491	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	13/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	7.40	8.50	23.40	
492	010492	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	31/12/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	2.50	2.60	4.25	9.35	
493	010493	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	27/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	4.80	7.75	19.80	
494	010494	Trịnh Thảo Như	Quỳnh	28/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	6.20	7.75	21.70	
495	010495	Nguyễn Tấn	Sang	11/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	2.40	6.25	13.65	
496	010496	Lâm Bá	Sáng	17/12/2009	Nam	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	5.25	1.80	8.25	15.30	
497	010497	Trần Thị Thanh	Sáng	16/05/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	4.00	7.25	17.75	
498	010498	Lê Ngọc Đức	Sinh	07/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	7.60	8.25	24.10	
499	010499	Bùi Đại	Sơn	19/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	9.00	9.80	9.50	28.30	
500	010500	Nguyễn Thanh	Sơn	22/02/2010	Nam	Kinh	Châu Thành, An Giang	0	0	4.50	5.40	4.75	14.65	
501	010501	Dương Phạm Thành	Tài	07/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	4.20	5.50	16.70	
502	010502	Lê Tiến Anh	Tài	20/03/2010	Nam	Kinh	Tánh Linh, Bình Thuận	0	0	7.00	6.80	7.75	21.55	
503	010503	Nguyễn Trí	Tài	30/08/2010	Nam	Kinh	Tánh Linh, Bình Thuận	0	0	8.75	9.60	9.00	27.35	
504	010504	Phạm Thành	Tài	08/01/2010	Nam	Kinh	Biên Hòa, Đồng Nai	0	0	7.00	2.60	7.00	16.60	
505	010505	Đắc Nhân	Tâm	10/10/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.00	2.60	8.00	17.60	
506	010506	Đình Công	Tâm	10/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	8.00	8.00	23.75	
507	010507	Lê Trung	Tâm	13/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	2.80	6.75	16.30	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
508	010508	Phạm Minh	Tâm	27/02/2010	Nam	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	5.75	7.60	7.75	21.10	
509	010509	Huỳnh Văn	Tấn	12/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	4.60	8.00	18.60	
510	010510	Lê Thành	Tấn	01/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	7.80	8.00	23.05	
511	010511	Nguyễn Văn	Tặng	02/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.25	2.80	4.50	10.55	
512	010512	Tổng Duy	Thái	20/11/2010	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	6.00	4.40	6.25	16.65	
513	010513	Nguyễn Hồng	Thắm	27/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	3.60	8.00	19.35	
514	010514	Bình Hữu	Thắng	09/03/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	5.75	3.00	5.25	15.00	
515	010515	Mai Hữu	Thắng	04/07/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.75	4.20	6.25	18.20	
516	010516	Nguyễn Minh	Thắng	27/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	2.20	6.25	15.70	
517	010517	Hồ Thanh Phương	Thanh	27/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	3.40	8.00	19.15	
518	010518	Lê Vũ Hồ Quốc	Thanh	12/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	8.80	9.00	25.55	
519	010519	Mai Thiện	Thanh	12/11/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	8.00	6.80	9.00	24.80	
520	010520	Nguyễn Ngọc Thanh	Thanh	03/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	8.50	7.40	8.25	25.15	
521	010521	Nguyễn Quốc	Thanh	18/01/2010	Nam	Kinh	Trạm Y Tế Xã Phú Lạc	0	0	6.00	3.60	6.75	16.35	
522	010522	Phạm Đoàn Thiên	Thanh	16/09/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.25	7.60	7.75	23.60	
523	010523	Huỳnh Minh	Thành	29/06/2010	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	2.00	3.00	1.75	6.75	
524	010524	Nguyễn Trung	Thành	04/11/2009	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	2.00	2.50	9.25	
525	010525	Nguyễn Trung	Thành	18/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	1.40	7.00	14.90	
526	010526	Bùi Thanh	Thảo	17/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	5.60	8.00	20.35	
527	010527	Huỳnh Ngọc Nguyên	Thảo	14/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	4.00	5.25	15.75	
528	010528	Huỳnh Thị Kim	Thảo	10/10/2008	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	3.00	7.25	15.25	
529	010529	Lê Thị Thanh	Thảo	30/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	4.60	6.25	17.35	
530	010530	Lý Thị Duy	Thảo	17/11/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	5.00	0.60	8.25	14.85	
531	010531	Nguyễn Vũ Thanh	Thảo	04/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	4.40	8.25	20.40	
532	010532	Phùng Thanh	Thảo	18/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	4.20	5.00	15.95	
533	010533	Trương Thị Thu	Thảo	14/11/2010	Nữ	Kinh	huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	8.25	6.00	6.50	20.75	
534	010534	Lê Phạm Quốc	Thi	09/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	4.60	8.25	20.35	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
535	010535	Trần Ngọc Bảo	Thi	18/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	5.60	8.50	21.60	
536	010536	Trần Thị Ái	Thi	29/06/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0	0	8.00	7.60	9.00	24.60	
537	010537	Đỗ Hạo	Thiên	18/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	1.00	4.25	11.75	
538	010538	Dương Nguyễn Hoàng	Thiên	26/06/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	3.60	7.75	18.35	
539	010539	Hồ Chấn	Thiên	28/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.00	2.40	6.00	15.40	
540	010540	Nguyễn Chí	Thiên	16/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	3.25	1.40	5.25	9.90	
541	010541	Nguyễn Ngọc Bảo	Thiên	12/12/2010	Nam	Kinh	Quảng Nam	0	0	5.75	2.40	4.25	12.40	
542	010542	Phạm Hoàng	Thiên	19/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.50	5.40	4.00	14.90	
543	010543	Trình Thanh	Thiên	21/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.67	3.60	8.75	19.02	
544	010544	Hồ Phú	Thiện	10/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	6.20	7.50	20.95	
545	010545	Huỳnh Trần Thanh	Thiện	26/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	2.00	3.50	10.50	
546	010546	Mai Anh	Thiện	23/03/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	1.50	1.80	0.25	4.55	
547	010547	Nguyễn Duy	Thiện	28/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	1.80	4.00	10.05	
548	010548	Nguyễn Hoài	Thiện	20/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	8.80	9.00	23.80	
549	010549	Nguyễn Hoàng	Thiện	11/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	3.60	6.75	17.85	
550	010550	Nguyễn Quốc	Thiện	26/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	3.00	5.00	13.75	
551	010551	Mai Xuân	Thiệt	03/12/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.00	4.80	8.50	21.30	
552	010552	Bùi Văn	Thịnh	17/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
553	010553	Đặng Dương Quang	Thịnh	21/03/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	6.00	8.75	22.75	
554	010554	Huỳnh Tấn	Thịnh	01/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	2.40	5.25	15.15	
555	010555	Lê Chí	Thịnh	07/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.50	8.40	9.00	25.90	
556	010556	Lục Quốc	Thịnh	30/07/2010	Nam	Kinh	Bệnh viện Hoàn Hảo, Bình Dương	0	0	4.75	5.60	5.50	15.85	
557	010557	Ngô Thanh	Thịnh	08/11/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	2.40	4.75	14.40	
558	010558	Nguyễn Bảo	Thịnh	13/02/2010	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.25	8.80	7.50	23.55	
559	010559	Nguyễn Ngọc	Thịnh	23/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	3.20	6.75	15.70	
560	010560	Phạm Quốc	Thịnh	21/03/2010	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	5.50	1.80	7.00	14.30	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
561	010561	Trần	Thịnh	10/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	7.80	8.25	23.30	
562	010562	Trần Quốc	Thịnh	20/09/2010	Nam	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	7.25	5.80	8.00	21.05	
563	010563	Dương Lê Thị Ngọc	Thoa	27/02/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0	0	8.00	5.80	7.50	21.30	
564	010564	Lê Bảo	Thoa	24/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	5.20	3.00	16.20	
565	010565	Nguyễn Thị Kim	Thoa	15/06/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	3.80	7.50	18.55	
566	010566	Nguyễn Thị Kim	Thoa	26/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	4.60	8.25	19.10	
567	010567	Trần Thị Kim	Thoa	28/04/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	7.75	3.40	7.25	18.40	
568	010568	Nguyễn Hoàng	Thông	01/10/2010	Nam	Kinh	Định Quán, Đồng Nai	0	0	6.75	4.40	6.75	17.90	
569	010569	Nguyễn Việt	Thông	20/02/2010	Nam	Kinh	Bình Định	0	0	8.00	5.20	8.75	21.95	
570	010570	Trương Gia	Thông	02/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	3.60	7.00	17.60	
571	010571	Nguyễn Thị Kiều	Thu	04/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	3.40	6.25	16.40	
572	010572	Đặng Bảo Anh	Thư	16/03/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.25	3.60	6.75	17.60	
573	010573	Đỗ Ngọc Anh	Thư	10/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	6.40	6.75	20.40	
574	010574	Lại Minh	Thư	17/11/2010	Nữ	Kinh	Đồng Nai	0	0	7.00	5.20	7.75	19.95	
575	010575	Lê Anh	Thư	29/06/2010	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	0	0	8.00	5.40	7.25	20.65	
576	010576	Lê Đặng Hoài	Thư	28/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	7.80	8.50	24.30	
577	010577	Lưu Đắc Kim	Thư	21/06/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.00	3.60	6.25	17.85	
578	010578	Mạch Lê Anh	Thư	19/02/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	8.20	8.50	24.45	
579	010579	Nguyễn Lê Anh	Thư	17/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	3.80	5.25	16.30	
580	010580	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	01/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	6.00	8.25	21.25	
581	010581	Nguyễn Thị Xuân	Thư	19/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	2.00	5.25	12.25	
582	010582	Phạm Trương Anh	Thư	26/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	3.60	7.25	17.10	
583	010583	Phan Nguyễn Minh	Thư	04/11/2010	Nữ	Kinh	Huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ	1	0	7.50	6.80	8.00	23.30	
584	010584	Trần Kinh Ngọc Minh	Thư	24/11/2010	Nữ	Chăm	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	1	0	5.50	2.80	6.00	15.30	
585	010585	Trần Lê Anh	Thư	24/04/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	6.00	6.50	20.75	
586	010586	Trịnh Hoài Bảo	Thư	09/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	7.40	6.75	21.90	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
587	010587	Trương Nguyễn Anh	Thư	06/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	7.60	9.00	24.85	
588	010588	Võ Anh	Thư	14/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.75	8.80	7.75	25.30	
589	010589	Võ Thị Khánh	Thư	13/07/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	4.60	8.00	20.35	
590	010590	Trần Ngọc Cát	Thuần	29/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	4.00	6.75	17.00	
591	010591	Bùi Xuân	Thuận	13/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	3.40	1.75	9.90	
592	010592	Nguyễn Văn	Thuận	15/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	2.60	6.75	16.10	
593	010593	Lê Thế	Thuật	19/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	8.00	7.75	22.50	
594	010594	Trần Thy Thiên	Thương	04/06/2010	Nữ	Kinh	An Phước, Bình Thuận	0	0	7.00	2.80	6.00	15.80	
595	010595	Mai Phan Thanh	Thúy	29/07/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	8.00	6.60	9.00	23.60	
596	010596	Trần Thị Kim	Thúy	11/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	6.40	7.00	21.40	
597	010597	Nguyễn Thị Minh	Thủy	14/07/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.25	3.00	6.00	16.25	
598	010598	Trương Trần Thanh	Thủy	05/11/2010	Nữ	Kinh	Đồng Nai	0	0	7.00	6.20	8.00	21.20	
599	010599	Kinh Biện Như	Thuyết	15/08/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.00	4.60	5.75	18.35	
600	010600	Lâm Bảo	Thy	06/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	9.80	8.00	25.30	
601	010601	Lê Anh Bảo	Thy	12/03/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	7.50	4.40	7.50	19.40	
602	010602	Lý Khánh	Thy	28/06/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.75	10.00	9.00	27.75	
603	010603	Nguyễn Hoàng Hoài	Thy	16/05/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	8.25	9.40	8.50	26.15	
604	010604	Nguyễn Mai An	Thy	21/11/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	8.00	7.20	8.00	24.20	
605	010605	Nguyễn Ngọc Khánh	Thy	02/12/2010	Nữ	Kinh	Huyện Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng	0	0	6.00	4.60	8.00	18.60	
606	010606	Phan Quỳnh Dạ	Thy	04/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	3.00	7.75	18.00	
607	010607	Đặng Nguyễn Kim	Tiên	28/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	8.60	9.00	26.10	
608	010608	Nguyễn Phú	Tiên	05/04/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	8.80	8.25	24.05	
609	010609	Nguyễn Trương Ánh	Tiên	05/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.75	2.60	5.00	11.35	
610	010610	Phạm Thị Cẩm	Tiên	24/11/2010	Nữ	Kinh	Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	0	0	8.00	8.40	8.50	24.90	
611	010611	Tạ Xuân	Tiên	14/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	6.80	7.75	22.05	
612	010612	Tiết Ngọc Châu	Tiên	24/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	9.00	9.80	8.50	27.30	
613	010613	Tổng Cát	Tiên	24/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	8.00	8.50	24.75	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
614	010614	Trần Nguyễn Bảo	Tiên	23/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	7.00	6.50	21.00	
615	010615	Bích Nhật	Tiến	11/04/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	4.50	2.60	5.75	13.85	
616	010616	Hoàng Anh	Tiến	27/02/2010	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	8.25	9.60	9.00	26.85	
617	010617	Huỳnh Tấn	Tiến	17/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	5.00	7.50	18.75	
618	010618	Trần Dũng	Tiến	04/11/2010	Nam	Hoa	Phan Thiết, Bình Thuận	1	0	7.00	6.20	9.00	23.20	
619	010619	Võ Đình Minh	Tiến	20/02/2010	Nam	Kinh	Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi	0	0	7.25	9.00	9.00	25.25	
620	010620	Lê Thị Ngọc	Tiền	18/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	6.20	7.00	20.70	
621	010621	Trần Phạm Khánh	Tin	04/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	6.40	6.75	19.15	
622	010622	Dương Đỗ Thành	Tín	14/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	5.00	7.75	19.00	
623	010623	Nguyễn Khắc	Tín	09/11/2010	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	6.00	1.80	7.75	15.55	
624	010624	Phạm Ngọc Bảo	Tín	11/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	6.80	6.00	18.80	
625	010625	Nguyễn Huỳnh Thanh	Tính	09/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	7.00	7.00	21.25	
626	010626	Huỳnh Huệ	Tịnh	19/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	7.20	8.00	22.45	
627	010627	Trương Gia	Tịnh	01/01/2010	Nữ	Kinh	An Phước, Bình Thuận	0	0	8.50	8.00	8.50	25.00	
628	010628	Đào Thanh	Toàn	27/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.75	3.60	5.25	13.60	
629	010629	Lê Văn	Toàn	09/11/2009	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	1.25	2.80	0.25	4.30	
630	010630	Nguyễn Thanh	Toàn	07/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	2.40	7.50	16.15	
631	010631	Trần Lê Bảo	Trà	10/06/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	7.00	4.40	4.75	16.15	
632	010632	Nguyễn Ngọc	Trai	21/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	4.00	6.00	17.00	
633	010633	Đặng Quỳnh	Trâm	05/04/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	7.00	8.00	8.00	23.00	
634	010634	Đào Thụy Thùy	Trâm	21/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.75	3.20	4.75	11.70	
635	010635	Huỳnh Ngọc	Trâm	26/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	7.60	8.25	23.10	
636	010636	Lê Ngọc Hoàng	Trâm	29/04/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	8.60	8.50	25.10	
637	010637	Lê Nguyễn Bích	Trâm	06/01/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	8.00	6.60	8.00	22.60	
638	010638	Lê Thị Bích	Trâm	01/01/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	7.75	8.00	8.00	23.75	
639	010639	Mai Thị Bích	Trâm	02/03/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	5.00	3.40	4.25	13.65	
640	010640	Nguyễn Đình Ngọc Bích	Trâm	11/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	2.60	5.50	12.60	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
641	010641	Nguyễn Hà Bảo	Trâm	27/07/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	9.00	8.25	24.75	
642	010642	Phạm Thị Mai	Trâm	23/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	2.80	6.75	15.80	
643	010643	Thái Thủy Thùy	Trâm	14/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	5.20	8.00	19.70	
644	010644	Đàng Nguyễn Huyền	Trân	29/07/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	8.00	6.80	8.50	24.30	
645	010645	Nguyễn Trần Bảo	Trân	01/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	7.50	7.40	8.50	23.40	
646	010646	Trần Ngọc Bảo	Trân	27/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	4.40	6.75	17.90	
647	010647	Đặng Ngọc Thùy	Trang	20/07/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	6.40	8.25	21.65	
648	010648	Đình Trần Phương	Trang	19/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	5.40	8.00	21.15	
649	010649	Lê Lý Yến	Trang	25/10/2010	Nữ	Kinh	Đông Hoà, Phú Yên	0	0	7.75	5.00	8.75	21.50	
650	010650	Lê Thị Huyền	Trang	07/01/2010	Nữ	Kinh	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	7.25	4.20	7.75	19.20	
651	010651	Lưu Nữ Huyền	Trang	16/04/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.25	4.40	7.75	20.40	
652	010652	Mai Thị Thùy	Trang	11/07/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.75	5.60	7.50	21.85	
653	010653	Ngô Thái Thùy	Trang	07/08/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	7.25	2.80	7.00	17.05	
654	010654	Nguyễn Kim	Trang	04/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	2.40	8.00	16.40	
655	010655	Nguyễn Thị Đoan	Trang	19/09/2010	Nữ	Kinh	Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận	0	0	6.50	2.60	8.00	17.10	
656	010656	Nguyễn Thùy Đài	Trang	18/06/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0	0	8.25	4.80	7.75	20.80	
657	010657	Phạm Thùy	Trang	09/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	5.60	6.50	18.35	
658	010658	Trần Thị Kim	Trang	23/03/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	4.75	4.20	7.75	17.70	
659	010659	Trần Trương Đoan	Trang	12/02/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	7.40	8.25	22.65	
660	010660	Trương Đặng Thùy	Trang	09/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	6.20	8.25	22.45	
661	010661	Lê Minh	Trí	04/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	4.80	6.75	18.80	
662	010662	Nguyễn Huynh Đức	Trí	31/07/2010	Nam	Kinh	huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	4.75	3.80	7.00	15.55	
663	010663	Trần Minh	Trí	26/04/2010	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	5.00	2.00	4.50	11.50	
664	010664	Kinh Văn	Triển	25/12/2009	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	3.50	1.40	8.50	14.40	
665	010665	Lê Minh	Triết	14/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	6.00	7.00	19.00	
666	010666	Nguyễn Thị Kim	Triết	22/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	6.40	7.75	22.15	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
667	010667	Kinh Thị Hải	Triều	31/05/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	5.00	2.80	7.75	16.55	
668	010668	Biện Nguyễn Như	Triều	29/09/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	3.00	2.80	5.25	12.05	
669	010669	Dương Tổ	Trình	11/07/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	0	0	6.50	5.00	7.75	19.25	
670	010670	Lê Thị Ngọc	Trình	29/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	5.80	8.00	21.55	
671	010671	Nguyễn Ái	Trình	22/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.00	2.00	5.50	11.50	
672	010672	Nguyễn Thị Hà	Trình	28/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	6.00	8.00	22.25	
673	010673	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	27/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	8.40	7.50	23.90	
674	010674	Trần Thị Tuyết	Trình	04/06/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện tỉnh Bình Thuận	0	0	8.25	5.60	8.50	22.35	
675	010675	Cao Quốc	Trình	12/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	6.20	7.25	20.45	
676	010676	Lê Đình Ngọc	Trọng	23/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	7.40	8.75	23.65	
677	010677	Nguyễn Hữu	Trọng	20/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	7.00	8.00	22.50	
678	010678	Trần Tấn	Trọng	14/06/2010	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	4.25	3.00	2.75	10.00	
679	010679	Nguyễn Thanh	Trúc	27/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	6.60	6.75	20.10	
680	010680	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	06/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	3.80	6.75	16.55	
681	010681	Lâm Nguyễn Trung	Trúc	19/05/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.75	7.00	9.00	24.75	
682	010682	Lê Duy	Trúc	17/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	7.20	8.50	23.20	
683	010683	Thường Ngọc	Trúc	19/11/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	1.25	3.20	0.00	5.45	
684	010684	Võ Thành	Trúc	19/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	6.40	7.00	20.90	
685	010685	Mai Văn Quốc	Trung	05/01/2010	Nam	Chăm	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	7.00	2.80	7.25	18.05	
686	010686	Nguyễn Thành	Trung	29/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	4.60	7.50	18.85	
687	010687	Nguyễn Vũ Đức	Trung	20/09/2010	Nam	Kinh	Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành, Đồng Nai	0	0	4.25	2.60	2.75	9.60	
688	010688	Thông Thiên	Trung	13/04/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình thuận	1	0	7.00	9.20	8.75	25.95	
689	010689	Đặng Duy	Trường	10/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	6.40	7.50	20.90	
690	010690	Nguyễn Thành	Trường	28/10/2010	Nam	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	4.25	2.80	6.75	13.80	
691	010691	Nguyễn Trần Thanh	Trường	08/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	3.80	6.50	16.30	
692	010692	Nguyễn Văn	Trường	14/11/2009	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.25	4.20	7.50	19.95	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
693	010693	Mai Thanh	Truyền	07/01/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	4.50	6.40	5.00	16.90	
694	010694	Huỳnh Thụy Cẩm	Tú	17/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	6.60	8.75	23.85	
695	010695	Lê Hoàng Thanh	Tú	22/01/2010	Nữ	Kinh	Bệnh viện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	0	0	8.00	7.80	7.75	23.55	
696	010696	Võ Khánh	Tuân	22/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	3.00	8.00	17.00	
697	010697	Đàng Anh	Tuấn	15/07/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	3.50	3.00	5.75	13.25	
698	010698	Dương Quang	Tuấn	10/10/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	4.75	2.20	6.25	14.20	
699	010699	Hồ Lê Gia	Tuấn	04/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	6.40	3.00	15.40	
700	010700	Nguyễn Ngọc	Tuấn	26/04/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	5.50	3.60	8.50	18.60	
701	010701	Võ Quang	Tuấn	24/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	3.20	6.75	15.70	
702	010702	Kinh Huỳnh Thái	Tuệ	18/02/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.75	3.40	7.00	19.15	
703	010703	Ngô Trần Cát	Tường	28/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	9.20	9.50	26.70	
704	010704	Nguyễn Hữu	Tuy	23/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	2.40	4.00	10.90	
705	010705	Lê Nguyễn Kim	Tuyển	12/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	6.80	8.00	22.80	
706	010706	Trần Trương Kim	Tuyển	22/05/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	6.75	7.60	8.75	23.10	
707	010707	Bùi Nguyễn Bích	Tuyền	30/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	2.80	5.50	15.55	
708	010708	Lê Thanh	Tuyền	04/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	5.00	7.50	19.25	
709	010709	Nguyễn Đặng Thanh	Tuyền	20/12/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	5.20	7.00	18.20	
710	010710	Nguyễn Mai Bích	Tuyền	27/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	6.60	8.25	23.35	
711	010711	Phan Thị Bích	Tuyền	18/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.40	5.00	14.90	
712	010712	Trần Thị Bích	Tuyền	03/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	4.40	5.50	17.15	
713	010713	Phan Mai Minh	Tuyết	09/05/2010	Nữ	Ra-glai	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	1	0	V	V	V	V	
714	010714	Phan Thị Ánh	Tuyết	25/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	3.00	7.75	18.00	
715	010715	Qua Thùy	Tuyết	19/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	1.60	4.00	11.35	
716	010716	Hồ Văn	Tý	18/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	7.80	7.75	22.05	
717	010717	Nguyễn Gia	Uy	30/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	7.80	9.00	24.80	
718	010718	Đỗ Khánh	Uyên	23/12/2010	Nữ	Kinh	Đống Đa, Hà Nội	0	0	6.25	6.60	8.50	21.35	
719	010719	Kinh Thúy	Uyên	14/12/2010	Nữ	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	6.75	5.20	8.00	20.95	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
720	010720	Lê Thị Mỹ	Uyên	21/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	5.40	7.25	20.40	
721	010721	Ngô Khả	Uyên	12/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.75	7.60	8.00	24.35	
722	010722	Nguyễn Thị Trúc	Uyên	21/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.25	1.40	4.00	8.65	
723	010723	Nguyễn Hoàng Ái	Vân	17/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	3.20	7.50	16.45	
724	010724	Tổng Hồ Khánh	Vân	08/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	2.40	8.50	15.65	
725	010725	Võ Nguyễn Tường	Vàng	20/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	7.00	20.05	
726	010726	Lê Yên	Vi	11/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	3.00	6.00	14.00	
727	010727	Nguyễn Tường	Vi	01/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	4.00	7.50	18.00	
728	010728	Chung Quốc	Việt	31/01/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.75	8.40	8.75	25.90	
729	010729	Lê Hoàng Ngọc	Việt	02/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	6.40	6.75	20.40	
730	010730	Nguyễn Hoàng	Việt	06/04/2010	Nam	Kinh	Thành Phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	0	0	5.50	6.80	8.50	20.80	
731	010731	Thanh Lâm Quang	Việt	12/05/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	2.75	2.40	2.25	8.40	
732	010732	Trần Thanh Quốc	Việt	29/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	4.80	7.00	18.05	
733	010733	Lê Trung Trọng	Vinh	09/09/2010	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.50	6.80	7.50	21.80	
734	010734	Nguyễn Quang	Vinh	26/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	2.60	6.50	15.60	
735	010735	Nguyễn Quang	Vinh	22/09/2010	Nam	Kinh	Huyện Phú Tân, Tỉnh Cà Mau	0	0	5.75	2.00	7.25	15.00	
736	010736	Nguyễn Quang	Vinh	10/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	6.40	6.00	18.65	
737	010737	Phạm Phú	Vinh	13/07/2010	Nam	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.50	9.00	8.25	24.75	
738	010738	Dương Tấn	Vũ	13/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	3.00	3.75	11.25	
739	010739	Ngô Tấn	Vũ	09/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	5.80	8.25	22.05	
740	010740	Tăng Thanh	Vũ	14/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	8.20	8.00	24.20	
741	010741	Trần	Vũ	02/04/2010	Nam	Kinh	Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	8.50	7.60	9.00	25.10	
742	010742	Châu Văn	Vương	10/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	4.80	7.00	19.05	
743	010743	Dương Nguyễn Tường	Vy	30/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	7.40	8.75	23.65	
744	010744	Hồ Nhật Khánh	Vy	01/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong ,Bình Thuận	0	0	7.50	3.40	7.00	17.90	
745	010745	Hồ Thị Khánh	Vy	31/10/2010	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	0	0	7.50	6.20	7.00	20.70	
746	010746	Hoàng Anh Yến	Vy	21/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	4.60	6.00	18.10	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

STT	Số BD	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
									Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
747	010747	Hứa Thị Vy	07/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	7.60	8.00	22.85	
748	010748	Huỳnh Thị Thúy Vy	13/05/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0	0	8.00	7.40	8.50	23.90	
749	010749	Lê Cát Tường Vy	04/10/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0	0	7.50	4.00	7.00	18.50	
750	010750	Lê Nữ Tường Vy	17/07/2010	Nữ	Kinh	trung tâm y tế huyện ninh hải- Ninh thuận	0	0	4.50	2.60	4.50	11.60	
751	010751	Lê Thị Khánh Vy	14/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.00	2.20	3.50	9.70	
752	010752	Nguyễn Lâm Kiều Vy	05/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	3.60	8.00	19.10	
753	010753	Nguyễn Phi Thảo Vy	30/08/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	0	0	6.50	3.80	4.75	15.05	
754	010754	Nguyễn Trần Ánh Vy	07/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	6.00	8.50	22.50	
755	010755	Nguyễn Trần Khánh Vy	30/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	7.20	8.50	23.45	
756	010756	Nguyễn Tường Vy	04/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	4.40	8.25	19.90	
757	010757	Tăng Thị Thúy Vy	26/12/2010	Nữ	Hoa	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	4.25	2.00	5.25	12.50	
758	010758	Trần Lê Tường Vy	18/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	8.25	6.20	8.50	22.95	
759	010759	Trần Thị Bích Vy	17/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	9.00	5.40	7.50	21.90	
760	010760	Trần Thị Diễm Vy	09/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	6.75	4.40	8.25	19.40	
761	010761	Trần Thị Ngọc Vy	01/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	4.00	7.50	19.00	
762	010762	Trần Thị Yên Vy	20/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	4.20	6.25	18.45	
763	010763	Ung Hoài Diệu Vy	17/07/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	7.60	8.50	24.10	
764	010764	Mai Gia Vy	18/10/2010	Nam	Chăm	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	4.25	2.60	3.50	11.35	
765	010765	Nguyễn Thị Thu Vy	30/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình thuận	0	0	7.25	3.60	6.50	17.35	
766	010766	Đỗ Huỳnh Kim Vy	13/07/2010	Nữ	Kinh	huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	7.75	7.80	9.00	24.55	
767	010767	Hồ Ngọc Như Vy	16/10/2010	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	0	0	7.75	6.60	7.50	21.85	
768	010768	Nguyễn Huỳnh Như Vy	05/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	3.60	4.25	12.35	
769	010769	Phạm Ngọc Như Vy	26/07/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	5.40	7.25	18.90	
770	010770	Trình Như Vy	01/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	3.20	4.00	12.95	
771	010771	Trình Võ Như Vy	26/11/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	0	0	6.00	2.40	5.00	13.40	
772	010772	Nguyễn Hoàng Trung Vy	27/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	6.80	8.00	22.55	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Tuy Phong

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
773	010773	Huỳnh Bảo	Yến	31/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	9.00	6.60	9.00	24.60	
774	010774	Ngô Kim	Yến	08/12/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	6.00	7.00	20.25	
775	010775	Nguyễn Thanh Bảo	Yến	11/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	5.60	8.50	21.60	
776	010776	Nguyễn Thị Hải	Yến	04/05/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	0	0	7.50	2.80	7.75	18.05	
777	010777	Trần Huỳnh Bảo	Yến	17/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.80	7.00	17.30	

Danh sách này có 777 thí sinh.

Bình Thuận, ngày 17 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Văn Thạch